

## **QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư Trung tâm y tế Phước Long, phường Long Thủy – Thị xã Phước Long – Tỉnh Bình Phước.**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND&UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng V/v ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11/8/2010 của Bộ Xây dựng về việc quy định hồ sơ từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 21/2005/QĐ-BXD ngày 22/7/2005 của Bộ Xây dựng về việc ban hành quy định hệ thống ký hiệu bản vẽ trong các đồ án quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 03/2008/QĐ-BXD ngày 31/3/2008 của Bộ Xây dựng về ban hành quy định nội dung thể hiện bản vẽ, thuyết minh đối với nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 12/3/2008 của UBND tỉnh Bình Phước V/v phê duyệt quy hoạch chung xây dựng đô thị Phước Long;

Xét tờ trình số 12/TT-BQLDAQH ngày 11/6/2012 của Ban QLDA QHXD V/v đề nghị phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư Trung tâm y tế Phước Long phường Long Thủy – thị xã Phước Long – tỉnh Bình Phước,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư Trung tâm y tế Phước Long, phường Long Thủy - thị xã Phước Long – tỉnh Bình Phước với các nội dung:

#### **I. MỤC TIÊU ĐẦU TƯ**

- Khu dân cư có diện tích 7.641m<sup>2</sup> được UBND thị xã Phước Long quy hoạch hướng đến một không gian xanh trong lành, nhiều dịch vụ chất lượng cuộc sống hoàn hảo và tiện ích cao cho chủ nhân của công trình xây dựng.

- Mục tiêu của dự án đầu tư xây dựng nhà ở khu dân cư Trung tâm y tế Phước Long là giải quyết nhu cầu nhà ở cho người dân.

- Hoàn chỉnh đồng bộ hệ thống quy hoạch, giao thông, hạ tầng kỹ thuật cho khu vực, đảm bảo được các tiêu chuẩn về nhà ở, nhà làm việc, đồng bộ với sự phát triển theo quy hoạch đã được phê duyệt của UBND thị xã Phước Long.

## I. RANH GIỚI VÀ PHẠM VI LẬP QUY PHOẠCH

### 1. Vị trí khu vực quy hoạch

Khu vực thiết kế quy hoạch khu dân cư Trung tâm y tế Phước Long có vị trí quan trọng trong chiến lược mở rộng kinh tế – chính trị – văn hóa – du lịch trong địa bàn.

Từ cận:

- Phía Đông giáp với khu đất dân cư.
- Phía Tây giáp với đường CMT8.
- Phía Nam giáp ranh với Đài truyền hình, Chũ thập đỏ và hội Đông y.
- Phía Bắc giáp với Trung tâm y tế Phước Long.

### 2. Quy mô khu vực quy hoạch

- Quy mô chi tiết, tỉ lệ : 1/500.
- Diện tích : 7641m<sup>2</sup>.

## III. CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT

### 1. Quy mô quy hoạch sử dụng đất

- Công trình được xây dựng trên khu đất 7641m<sup>2</sup>, bao gồm 35 lô đất ( nhà ở liền kề với hệ số tỉ lệ diện tích xây dựng là 73.1% theo quy hoạch), phần ngoài nhà được bố trí sân vườn, đường nội bộ, cây bóng mát, xây dựng công và hàng rào). Nằm bên cạnh đường CMT8, là khu đất có độ dốc thấp, phía Đông sau lưng dự án là con mương nhỏ, hai bên cạnh dự án là khu trung tâm hành chính của thị xã Phước Long.

**Bảng cân bằng sử dụng đất**

STT	Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người)	Tỉ lệ (%)
01	Đất xây dựng	5.362	10,72	70,2
02	Đất cây xanh	1.393,2	2,78	18,2
03	Đất giao thông	885,8	1,78	11,6
Đất toàn khu		7.641	15,28	100

## Mô tả sơ bộ dự án xây dựng

STT	Ký hiệu lô đất	Công trình nhà ở	Mật độ xd (%)	Số tầng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Số lượng công trình
01	A1(24mx28,8m)	Nhà phố	≤80	≤4	691,2	6
02	B1(42mx28,8m)	Nhà phố	≤80	≤4	1.209,6	7
03	C(56mx20,5m)	Nhà phố	≤80	≤4	1148	7
04	A2(24mx28,8m)	Nhà phố	≤80	≤4	691,2	6
05	B2(42mx28,8m)	Nhà phố	≤80	≤4	1.209,6	7
06	C1(9mx21,6m)	Nhà phố	≤80	≤4	194,4	1
07	C2(9mx23,6m)	Nhà phố	≤80	≤4	212,4	1
<b>Cộng:</b>					<b>7.641</b>	<b>35</b>

## 2. Giải pháp quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

### 2.1 San nền, thoát nước mưa và nước bẩn

#### a. San nền và thoát nước mặt

- Giải pháp san nền chủ yếu dùng địa hình hiện trạng làm cao độ san lấp cho khu vực nhằm phù hợp với điều kiện xây dựng công trình và hướng thoát nước mưa tự nhiên về hướng dốc của địa hình.

- Các tuyến đường giao thông trong khu vực khi đầu tư xây dựng cần phải bám sát theo địa hình tự nhiên.

- Hướng dốc mặt bằng từ Đông sang Tây với độ dốc không quá 2% và hướng thoát nước mặt (nước mưa) cũng theo hướng này.

#### b. Thoát nước mưa

- Nước mưa được chảy theo độ dốc trên bề mặt khu quy hoạch thu nước về các hướng đường giao thông nội bộ.

- Trên mặt đường nước mưa được thu gom vào hệ thống hố ga và hệ thống ống thoát nước ngầm bằng BTCT bố trí dọc theo các tuyến đường, sau tập trung thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Trước mắt, khu vực chưa có hệ thống thoát nước chung nên nước mưa vẫn chảy tràn về các tuyến đường rồi lại theo độ dốc của địa hình thoát ra khu vực lân cận và thấm tự nhiên, khi nào có hệ thống thoát nước chung thì sẽ tiến hành đấu nối hoàn thành hệ thống thoát nước của công trình vào hệ thống thoát nước chung.

### Khối lượng xây dựng và khái toán kinh phí

Hạng mục các loại công thoát nước	Khối lượng ( m )	Đơn giá ( triệu/m )	Thành tiền (triệu)
-----------------------------------	------------------	---------------------	--------------------

Ø800 (cả hố ga thu, xả nước)	300	1,25	375
Ø1000 (cả hố ga thu, xả nước)	48	1,55	74,4
<b>Tổng cộng:</b>			<b>449,4</b>

( Làm tròn: 0,45 tỷ đồng )

## 2.2 Quy hoạch hệ thống giao thông

- Giao thông trong khu vực quy hoạch có tiêu chuẩn kỹ thuật như sau:

+ Lộ giới 12m: mặt đường rộng 6m, vỉa hè mỗi bên 3m.

+ Lộ giới 11m: mặt đường rộng 6m, vỉa hè bên 3m, bên 2m.

- Hệ thống giao thông trong khu quy hoạch là loại đường bê tông đá 1x2, mác 200, dày 150.

- Vỉa hè làm bằng gạch con sâu.

- Trồng cây xanh: Dọc theo tuyến giao thông nội bộ, toàn khu gồm 38 cây (tính trên 1 cây và công chăm sóc đơn giá là: 0,8 triệu/cây).

0,8 triệu x 38 cây = 30,4 triệu.

*Khái toán kinh phí đầu tư:*

- Đơn giá mặt đường: 500.000 đồng/m<sup>2</sup>.

- Đơn giá hè: 500.000 đồng/m<sup>2</sup>.

### Bảng khái toán kinh phí đầu tư

Stt	Tên đường	Chiều dài (m)	Diện tích (m <sup>2</sup> )		Đơn giá (Tr.đồng)		Kinh phí (Tr. đồng)		Tổng cộng (Tr. đồng)
			M. đường	Vỉa hè	M. đường	Vỉa hè	M. đường	Vỉa hè	
01	Đường D1	72	516	516	0,5	0,5	258	258	516
02	Đường D2	78	468	390	0,5	0,5	234	195	429
<b>Tổng cộng</b>		<b>150</b>					<b>492</b>	<b>453</b>	<b>945</b>

( Làm tròn: 0,95 tỷ đồng )

## 2.3 Quy hoạch hệ thống cấp nước

- Trong khu vực quy hoạch hiện nay chưa có mạng lưới phân phối cấp nước máy. Dân cư xung quanh khu vực sử dụng nguồn nước chủ yếu là tự khai thác tại chỗ bằng giếng khoan.

*- Nước sinh hoạt:*

Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt: 120lít/người/ngày đêm với quy mô dự kiến 500 người dân.

*- Nhu cầu dùng nước khác:*

+ Nước cho các công trình công cộng, dịch vụ: được tạm tính bằng 15% nhu cầu nước sinh hoạt ( $Q_{sh}$ ).

+ Nước dùng tưới cây, rửa đường: tạm tính bằng 10% nhu cầu nước sinh hoạt ( $Q_{sh}$ ).

+ Nước thất thoát, rò rỉ: Tạm tính bằng 20% nhu cầu nước dùng ( $Q_{nc}$ ).

Từ cơ sở trên tính được công suất cấp nước của khu dân cư theo bảng sau:

STT	Các yếu tố tính toán	Dân số (người)	Tiêu chuẩn (lít/người/ngày)	Nhu Cầu ( $m^3$ /ngày)
01	Nước sinh hoạt $Q_{sh}$	500	120	60
02	Nước cho CTCC, dịch vụ		15% $Q_{sh}$	9
03	Nước tưới cây		10% $Q_{sh}$	6
04	Tổng nhu cầu dùng nước $Q_{nc}$			75
05	Nước thất thoát, rò rỉ		20% $Q_{sh}$	12
06	Công suất mạng $Q_m$			87
<b>Tổng cộng</b>				<b>87</b>

*Mạng lưới cấp nước:*

- Thiết kế mạng lưới đường ống cấp nước có đường kính từ  $\varnothing 90$ -  $\varnothing 114$  nối thành mạch kín để phục vụ cung cấp nước cho toàn bộ khu quy hoạch.

- Bố trí các trụ cứu hỏa dọc theo các tuyến đường và tại các điểm giao lộ ngã ba, với khoảng cách từ 50 – 80m/trụ.

**Khái toán kinh phí đầu tư:**

STT	Vật tư	Đơn vị	K. lượng	Đơn giá (triệu)	Thành tiền (triệu)
1	Ống STK $\varnothing 90$ (kể cả giá nhân công đào đắp)	m	120	0,3	36
2	Ống STK $\varnothing 114$ (kể cả giá nhân công đào đắp)	m	245	0,45	110,3
3	Trụ chữa cháy (hạng cứu hỏa)	trụ	6	12	72
4	Đồng hồ trước nhà	cái	35	2	70
<b>Tổng cộng:</b>					<b>288,3</b>

( Làm tròn: 0,29 tỷ đồng )

#### 2.4 Quy hoạch cấp điện

Đọc theo đường CMT8 có tuyến đường dây trung thế 22KV.

**Bảng Phụ tải điện**

STT	Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	TC cấp điện (Kw/ha)	Điện năng (Kwh/năm)
01	Đất sử dụng nhà ở	5362	100	547.412
02	Đất quy hoạch giao thông	885,8	10	13.315
<b>Tổng cộng:</b>		<b>6247,8</b>		<b>560,7x10<sup>3</sup></b>

*Nguồn điện:*

- Sử dụng nguồn điện qua tuyến trung thế 22KV trong khu vực.

*Mạng lưới cấp điện:*

- Lưới cấp điện phục vụ khu quy hoạch được lấy từ trạm điện lân cận với 0.4KV sử dụng cáp đồng có vỏ bọc cách điện loại vặn xoắn (cấp LV- ABC), được treo dẫn trên trụ cột.

- Đèn đường là loại đèn cao áp Sodium 220V-250W, bố trí 30m/cột và đặt cao cách mặt đường khoảng 6m, được đóng cắt tự động bằng công tắc thời gian hay công tắc quang điện.

**Khái toán kinh phí xây dựng:**

STT	Hạng mục	Khối lượng (trụ)	Đơn giá (triệu)	Thành tiền (triệu)
1	Trụ đèn thép	8	6,5	52
2	Tuyến hạ thế 0,4KV và đèn đường	150	1.7	255
<b>Tổng cộng</b>				<b>307</b>

**(Làm tròn: 0,3 tỷ đồng)**

## **2.5 Quy hoạch thoát nước bản**

*Tiêu chuẩn và lưu lượng thoát nước bản:*

- Chỉ tiêu thoát nước: 80% lượng nước cấp.
- Tổng lưu lượng nước thải: 61,6 m<sup>3</sup>.

*Thiết kế hệ thống thoát nước bản cho khu quy hoạch:*

- Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt riêng lẻ, dẫn ra hệ thống thoát nước và được xử lý theo quy định của quy hoạch.

- Hệ thống thoát nước mưa của khu vực riêng không được dẫn chung vào hệ thống thoát nước thải sinh hoạt.

- Thiết kế mạng lưới đường ống thoát nước thải theo hệ cống ngoài đường kính từ Ø800 – Ø1000 nối thành mạch, để thu gom thoát nước bản về nơi quy định của địa phương.

- Tổng chiều dài công khoảng 310m.
- Nước thải từng nhà được tập trung vào hầm tự hoại riêng, sau đó vào giếng thấm cho nhà (đường kính: 900 có độ sâu 1,2m bên dưới có đổ 1 lớp cát thấm 1m theo bản vẽ kỹ thuật).

## 2.5 Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc

- Dự kiến mạng thông tin liên lạc phục vụ trong khu quy hoạch sẽ được đấu nối với tổng đài của Bưu điện thị xã Phước Long bằng tuyến cáp 150x2x0,5. Tủ phân phối cáp đặt tại đầu khu quy hoạch, từ đây các đường điện thoại và cáp truyền hình được phân bố vào trong bằng đường cáp nhánh được đi ngầm dưới đất cách mặt vỉa hè 0,9m, cáp thông tin được luồn vào ống nhựa Ø220.

- Số lượng máy được phân bố như sau: dự kiến nhu cầu sử dụng cho các nhà, văn phòng mỗi hộ một máy điện thoại.

- Kinh phí đầu tư xây dựng: Dự kiến khoảng 0,2 tỷ.

### Tổng khái toán kinh phí xây dựng hạ tầng kỹ thuật

<i>STT</i>	<i>Hạng mục</i>	<i>Kinh phí (đồng)</i>
01	Giao thông	950,000,000
02	San nền, thoát nước mưa - nước bẩn	450,000,000
03	Cấp nước	290,000,000
04	Cấp điện	300,000,000
05	Thông tin - liên lạc	200,000,000
<b>Tổng cộng:</b>		<b>2,190,000,000</b>

*Nguồn vốn:* Đất lấy cơ sở hạ tầng.

## IV. THÀNH PHẦN HỒ SƠ (07 bộ)

- Sơ đồ vị trí và ranh giới khu đất quy hoạch tỷ lệ 1/2000.
- Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất XD tỷ lệ 1/500.
- Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất tỷ lệ 1/500.
- Bản đồ quy hoạch tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan tỷ lệ 1/500.
- Bản đồ quy hoạch giao thông tỷ lệ 1/500.
- Bản đồ quy hoạch chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng tỷ lệ 1/500.
- Bản đồ quy hoạch san nền tỷ lệ 1/500.
- Bản đồ quy hoạch cấp nước tỷ lệ 1/500.
- Bản đồ quy hoạch thoát nước bẩn tỷ lệ 1/500.
- Bản đồ quy hoạch thoát nước mưa tỷ lệ 1/500.
- Bản đồ quy hoạch cấp điện tỷ lệ 1/500.

- Bản đồ quy hoạch thông tin liên lạc tỷ lệ 1/500.
- Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống tỷ lệ 1/500.
- Thuyết minh tổng hợp, phụ lục.

- 01 đĩa CD – ROOM quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư Trung tâm y tế Phước Long - phường Long Thủy – thị xã Phước Long – tỉnh Bình Phước.

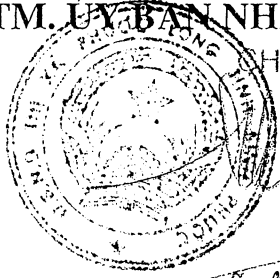
**Điều 2.** Giao Ban QLDA Quy hoạch xây dựng phối hợp với các ban ngành liên quan thực hiện quản lý quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư trung tâm y tế Phước Long, phường Long Thủy – thị xã Phước Long – tỉnh Bình Phước theo quy định.

**Điều 3.** Giao UBND phường Long Thủy phối hợp cùng Ban QLDA Quy hoạch xây dựng tổ chức công bố quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt theo hình thức công khai bản đồ quy hoạch.

**Điều 4.** Các ông/bà Chánh văn phòng HĐND&UBND thị xã, trưởng phòng Quản lý đô thị, trưởng ban QLDA quy hoạch xây dựng, trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường, Chủ tịch UBND phường Long Thủy và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- TTTU, HĐND thị xã;
- CT, PCT KT;
- Như Điều 4;
- LĐVP, CVK(H,K);
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ *ph*  
 HỒN THỦY PHƯỜNG LONG THỦY  
 CHỦ TỊCH  
  
*Nguyễn Hoàng Châu*



Số: 17/3 QĐ-UBND

Phước Long, ngày 22 tháng 11 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư Trung tâm y tế phường Long Thủy, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND&UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/06/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính Phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/04/2008 của Bộ xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 11/07/2012 của UBND thị xã Phước Long về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư Trung tâm y tế Phước Long, phường Long Thủy, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ công văn số 290/UBND-KT ngày 15/04/2015 của UBND thị xã Phước Long về việc thống nhất dự án đầu tư xây dựng khu dân cư Trung Tâm y tế thị xã Phước Long;

Căn cứ Thông báo số 17-TB/TU ngày 09/9/2015 của Thị ủy Phước Long về kết luận của Thường trực Thị ủy về một số nội dung tại cuộc họp ngày 07/9/2015;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 498/TTr-QLĐT ngày 7/10/2015 của Phòng Quản lý đô thị về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư Trung tâm y tế phường Long Thủy, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư Trung tâm y tế phường Long Thủy, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, với các nội dung như sau:

1. Điều chỉnh Điều 1, Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 11/07/2012 của UBND Thị xã Phước Long về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư Trung tâm y tế Phước Long, phường Long Thủy, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước:



- Mục II, khoản 2: điều chỉnh diện tích quy hoạch : 7.385m<sup>2</sup>.
- Mục III, khoản 1: điều chỉnh diện tích từng lô đất, tổng số lô.

Stt	Ký hiệu lô đất	Công trình nhà ở	Mật độ xd (%)	Số tầng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Số lượng công trình
1	A1	Nhà phố	≤80	≤4	176	1
2	A2	Nhà phố	≤80	≤4	216	1
3	A3	Nhà phố	≤80	≤4	124	1
4	A4	Nhà phố	≤80	≤4	121	1
5	A5	Nhà phố	≤80	≤4	121	1
6	A6-A11	Nhà phố	≤80	≤4	720	6
7	B1-B5	Nhà phố	≤80	≤4	900	5
8	B6	Nhà phố	≤80	≤4	210	1
9	B7	Nhà phố	≤80	≤4	223	1
10	B8-B12	Nhà phố	≤80	≤4	919	5
11	C1	Nhà phố	≤80	≤4	222	1
12	C2	Nhà phố	≤80	≤4	213	1
13	C3-C8	Nhà phố	≤80	≤4	1034	6
14	C9	Nhà phố	≤80	≤4	225	1
Cộng:					5.428	32

(Có bản đồ quy hoạch điều chỉnh phân lô kèm theo)

Mục III, khoản 2, điểm b: lượng nước mưa và nước mặt chảy vào hệ thống cống sau đó thoát xuống hạ lưu đường 6/1.

2. Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật khác tịnh tuyến theo tuyến giao thông mới.

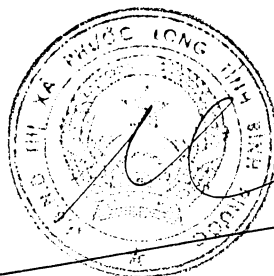
3. Các nội dung khác của Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 11/07/2012 của UBND thị xã Phước Long về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư trung tâm y tế Phước Long, phường Long Thủy, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước không thay đổi.

**Điều 2.** Các ông (bà) Chánh Văn phòng HĐND&UBND thị xã, Trưởng Phòng Quản lý đô thị, Trưởng ban QLDA quy hoạch xây dựng, Trưởng Phòng Tài chính – Kế Hoạch, Trưởng Phòng Tài nguyên & Môi trường, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thị xã, Chủ tịch UBND Phường Long Thủy và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

*Nơi nhận:*

- TTTU. TTHĐND;
- CT. PCT.UBND thị xã;
- Như Điều 2;
- LĐVP, CVVP;
- Lưu VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ** *lê*  
**CHỦ TỊCH**



*Mai Xuân Cường*

*Mai Xuân Cường*